

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 180/2022/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Củ Chi, ngày 13 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 643/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 14/1, đường số 420, tổ 9, ấp 4, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Luật sư Nguyễn Thanh D, sinh năm: 1975-Văn phòng Luật sư Nguyễn Thanh D.

Địa chỉ: Số 113/4 đường HT35, khu phố 1, phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Lê Ngọc Th, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số 13, đường số 420, tổ 9, ấp 4, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1953;

Địa chỉ: Số 14/1, đường số 420, tổ 9, ấp 4, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Lý Minh H1, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số 172 đường Ph, Phường 7, Thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Lê Ngọc Th được toàn quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 414m², thuộc thửa đất số 937, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 947846, số vào sổ cấp GCN: CS 05067, ngày 02/11/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Huỳnh Thị H, cập nhật biến động tặng cho ông Nguyễn Thành T vào ngày 21/02/2019, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lý Minh H1 vào ngày 31/5/2019, cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Văn Đ vào ngày 16/8/2019 và cập nhật chuyển nhượng cho bà Lê Ngọc Th vào ngày 25/8/2020 (theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 14/8/2020 của Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng L, có kiểm tra nội nghiệp ngày 28/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C).

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/8/2020 thì trên quyền sử dụng đất có diện tích 414m² có các công trình kiến trúc sau:

- 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 120,3m² có kết cấu mái lợp tole, tường gạch xây không tô, nền gạch tàu (vị trí 1);

- Phía sau căn nhà cấp 4 là nhà bếp có diện tích 24,3m² có kết cấu mái lợp tole, tường gạch xây tô, nền gạch tàu (vị trí 2);

- Tính từ đường số 420 nhìn vào bên trái sát căn nhà cấp 4 là mái tole có diện tích 8,5m² (vị trí 3).

2.2. Bà Lê Ngọc Th có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Thành T số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thi hành vào ngày 05/5/2022.

2.3. Ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ di dời các tài sản thuộc quyền sở hữu của mình ra khỏi quyền sử dụng đất có diện tích 414m² để trả lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 120,3m² (vị trí 1), nhà bếp có diện tích 24,3m² (vị trí 2) và mái tole có diện tích 8,5m² (vị trí 3) cho bà Lê Ngọc Th. Thời hạn di dời chậm nhất là vào ngày 05/8/2022.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T đối với ông Lý Minh H1.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Ngọc Th phải chịu án phí là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng);

- Ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0083139 ngày 19/12/2019 và số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ (Mười triệu đồng) ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0083140 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Ông T được hoàn lại số tiền 6.550.000đ (Sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN